

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Nam.

2. Bà Trần Thị Kim Đồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Ngọc H1, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 16/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H2 thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/11/2009. Vợ chồng chung sống được 15 năm, lúc đầu có hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do vợ chồng mất

niềm tin với nhau, anh H2 và gia đình anh H2 không có sự quan tâm, thông cảm và luôn nghi ngờ lòng chung thủy của chị. Chị và anh H2 đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 9/2024 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H2 có 04 con chung là Nguyễn Ngọc Minh Q sinh ngày 17/3/2010, Nguyễn Minh K1 sinh ngày 16/02/2013, Nguyễn Minh T sinh ngày 13/7/2019 và Nguyễn Thiên K2 sinh ngày 13/8/2021. Hiện tại cháu Q và cháu K1 sống chung với anh H2; cháu T và cháu K2 sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Minh T và Nguyễn Thiên K2, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q và Nguyễn Minh K1 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H2 trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H1 về thời gian thành hôn, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm và chị H1 đã đưa con về quê ngoại sống, vợ chồng cắt đứt quan hệ cho đến nay. Anh xác định vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Ngọc H1. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1, anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu Q và cháu K1, anh để chị H1 tiếp tục nuôi cháu T và cháu K2, anh và chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H1 vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Văn H2 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ

thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không tham gia đầy đủ các phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Ngọc H1 ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16/02/2013 cho anh H2 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 13/7/2019 và Nguyễn Thiên K2 sinh ngày 13/8/2021 cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Văn H2 là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H1 và anh bị đơn Nguyễn Văn H2 không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H1 vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn H2 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Văn H2 hành hôn năm 2009, có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/11/2009 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị Võ Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Văn H2 đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 9/2024 đến nay. Sau khi xảy ra mâu thuẫn gia đình anh H2 đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên chị H1 đã đưa cháu T và cháu Thiên K2 về quê ở Khánh Hòa sinh sống cho đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H1 và anh H2 đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị H1 xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Võ Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Văn H2 có 04 con chung Nguyễn Ngọc Minh Q sinh ngày 17/3/2010, Nguyễn Minh K1 sinh ngày 16/02/2013 hiện đang sống chung với anh H2 và Nguyễn Minh T sinh ngày 13/7/2019, Nguyễn Thiên K2 sinh ngày 13/8/2021 hiện đang sống chung với chị H1. Chị H1 và anh H2 đều thống nhất thỏa thuận việc chăm sóc, nuôi dưỡng con như hiện tại nên Tòa án giải quyết cho ly hôn. Đồng thời, cháu Q và cháu K1 có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với cha. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi nên cần giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16/02/2013 cho anh H2 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 13/7/2019 và Nguyễn Thiên K2 sinh ngày 13/8/2021 cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Võ Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Văn H2 là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Văn H2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H1.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Ngọc H1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 16/02/2013 cho anh Nguyễn Văn H2 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 13/7/2019 và Nguyễn Thiên K2 sinh ngày 13/8/2021 cho chị Võ Thị Ngọc H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H1 và anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011693 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị H1 không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(GCNKH số 117 ngày 10/11/2009);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga